TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2024
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên;

Ông Lê Văn Đáng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:*** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST- HN, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Số A đường L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. (chị Ú có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ú trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1991 chị và anh Cao Văn L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Quá trình chung sống, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ chồng chị thường

xuyên xảy ra cự cải về lối sống, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, chửi và đánh đập chị nhiều lần. Chị đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng anh L vẫn không thay đổi nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn L. Về nuôi con tên Cao Thị D, sinh ngày 19/9/1993 và Cao Văn N, sinh năm 14/9/1997 đã trưởng thành nên chị Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Cao Gia Đ, sinh ngày 24/8/2008, chị Ú yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị Ú không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Cao Văn L có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ú được ly hôn với anh Cao Văn L, về con chung tên Cao Thị D, sinh ngày 19/9/1993 và Cao Văn N, sinh năm 14/9/1997 đã trưởng thành, chị Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Cao Gia Đ, sinh ngày 24/8/2008, hiện tại chị Ú đang nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển của cháu Đ. Anh L1 đồng ý để chị Ú tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ú được quyền nuôi con chung tên Cao Gia Đ, sinh ngày 24/8/2008. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị Ú và anh Linh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Ú nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ú và anh Cao Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ú và anh Linh theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ú khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Cao Văn L, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 1991 chị Ú và anh Linh xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị Ú và anh Linh là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ú trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do thường xuyên xảy ra cự cải về lối sống, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, chửi và đánh đập chị nhiều lần. Chị đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng anh L vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không liên lạc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Cao Văn L.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Cao Văn L có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh L có lời trình bày: Do chị Ú bỏ nhà đi gần 8 năm nay nên anh thường xuyên nhậu nhẹt. Nay chị Nguyễn Thị Ú yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, do còn thương vợ, thương con.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị Ú và anh Linh có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ú trình bày không còn tình cảm với anh L, chị cương quyết xin ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đều vắng mặt không lý do thể hiện anh L không có thiện chí hàn gắn. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ú và anh Linh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ú, về hôn nhân xử cho chị Nguyễn Thị Ú được ly hôn với anh Cao Văn L.

[3] *Về con chung tên:* Cao Thị D, sinh ngày 19/9/1993 và Cao Văn N, sinh năm 14/9/1997 đã trưởng thành, chị Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Cao Gia Đ, sinh ngày 24/8/2008, quá trình giải quyết vụ án, chị Ú yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy thời gian vợ chồng chị Ú sống ly thân, chị Ú là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Cao Gia Đ, sinh ngày 24/8/2008 và cháu Đ có nguyện vọng sống chung với chị Ú. Anh L1 đồng ý để chị Ú tiếp tục nuôi

dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ú được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Cao Gia Đ, sinh ngày 24/8/2008.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ú và anh Linh không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Ú và anh Linh không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Ú phải chịu án phí theo quy định.

Xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ú.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Ú được ly hôn với anh Cao Văn L.

- *Về con chung tên*: Cao Thị D, sinh ngày 19/9/1993 và Cao Văn N, sinh năm 14/9/1997 đã trưởng thành, chị Ú và anh Linh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Ú được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Cao Gia Đ, sinh ngày 24/8/2008 khi ly hôn.

Anh Cao Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Ú và anh Linh không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Chị Ú và anh Linh không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:* Chị Ú và anh Linh không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Nguyễn Thị Ú phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ú đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011391, ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Ú đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Ú và anh Cao Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà